TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P,** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2024/DS-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Ngọc Diệu

Ông Võ Huy Luận

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 197/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 632/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 684/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)**.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trương Phước Tân** - Trưởng phòng giao dịch Phan Thiết - Chi nhánh Bình Thuận theo Quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PL ngày 25/12/2023. Địa chỉ: 62A Trần Hưng Đạo, Phú Trinh, Phan Thiết, Bình Thuận.

- Người được ủy quyền tham gia tố tụng: ông **Phan Trọng Phúc**, chức vụ: chuyên viên KHCN theo Giấy ủy quyền số 66/2023/GUQ-PGDPT ngày 29/12/2023 về việc ủy quyền tham gia tố tụng. Địa chỉ: 62A Trần Hưng Đạo, phường Phú Trinh, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: ông **Trần Hoàng T**, sinh năm 1991

HKTT: khu phố 4, phường Phú Thủy, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

Địa chỉ nơi ở: số 83, đường Lâm Đình Trúc, khu phố 6, phường Phú Thủy, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, ông Phan Trọng Phúc có mặt, ông Trần Hoàng T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/3/2024, bản tự khai, và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Trọng Phúc trình bày:

Ngày 22/10/2020, ông Trần Hoàng T đã ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Chi nhánh Bình Thuận - Phòng giao dịch Phan Thiết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 356480-2735 với nội dung sau:

- Hạn mức sử dụng thẻ: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

- Mục đích: tiêu dùng

- Lãi suất: 2,6%/tháng. Có thay đổi theo từng thời kì, hiện nay là 2,766%/tháng.

- Lãi suất áp dụng đối với nợ quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Hoàng T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 76.216.000 đồng, phí và lãi phát sinh 4.720.441 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 77.664.956 đồng. Dư nợ tính đến ngày 26/9/2024 là 3.291.042 đồng.

Ngoài ra, ông T còn có 02 khoản vay tiêu dùng số thẻ 356438-6132 và số thẻ 211251-5621 là 27.000.000 đồng và 12.000.000 đồng (dựa trên hạn mức thẻ tín dụng được cấp). Dư nợ vay tiêu dùng của 02 khoản vay này tính đến ngày 26/9/2024 là 22.765.778 đồng và 17.925.937 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 22/11/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T đối với số thẻ 356480-2735 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 2.312.445 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 4,149%/tháng (2,766%/tháng x 150%) theo Điều 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngày 25/9/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T đối với số thẻ 356438-6132 và số thẻ 211251-5621và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 40.312.445 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 4,149%/tháng (2,766%/tháng x 150%) theo Điều 23, 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Như vậy, tính đến ngày 26/9/2024, ông Trần Hoàng T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 43.982.757 đồng, trong đó nợ gốc 31.757.445 đồng, nợ lãi trong hạn 8.150.208 đồng, nợ lãi quá hạn 4.075.104 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng. Vì vậy ông T đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông Trần Hoàng T trả số tiền 43.982.757 đồng, trong đó nợ gốc 31.757.445 đồng, nợ lãi trong hạn 8.150.208 đồng, nợ lãi quá hạn 4.075.104 đồng và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn Trần Hoàng T nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Hoàng T phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 26/9/2024, đồng thời ông T còn phải chịu lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng từ ngày 27/9/2024 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Hoàng T phải trả số tiền vay theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết, nên xác định đây là vụ án *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:

Bị đơn ông Trần Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần Hoàng T.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và ông Trần Hoàng T ngày 22/10/2020 thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 385 và 401, 402 405 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng số 356480-2735, ông Trần Hoàng T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 76.216.000 đồng, phí và lãi phát sinh 4.720.441 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 77.664.956 đồng. Dư nợ tính đến ngày 26/9/2024 là 3.291.042 đồng.

Ngoài ra, ông T còn có 02 khoản vay tiêu dùng số thẻ 356438-6132 và số thẻ 211251-5621 là 27.000.000 đồng và 12.000.000 đồng (dựa trên hạn mức thẻ tín dụng được cấp). Dư nợ vay tiêu dùng của 02 khoản vay này tính đến ngày 26/9/2024 là 22.765.778 đồng và 17.925.937 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Tg vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các ngày 22/11/2023 và ngày 25/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng các thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 4,149%/tháng (2,766%/tháng x 150%) kể từ ngày chấm dứt quyền sử dụng thẻ theo Điều 23, 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền nêu trên là có căn cứ phù hợp với các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 26/9/2024 tổng cộng số tiền: 43.982.757 đồng. Trong đó tiền nợ gốc 31.757.445 đồng, nợ lãi trong hạn 8.150.208 đồng, nợ lãi quá hạn 4.075.104 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2024 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/10/2020 cho đến khi ông T thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 385, Điều 401, Điều 402, Điều 405, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*".

Buộc ông Trần Hoàng T phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) tổng số tiền **43.982.757** đồng (*bốn mươi ba triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn, bảy trăm năm mươi bảy đồng*), trong đó gồm nợ gốc 31.757.445 đồng, nợ lãi trong hạn 8.150.208 đồng, nợ lãi quá hạn 4.075.104 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2024), ông Trần Hoàng T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay. Trường hợp trong hợp đồng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: ông Trần Hoàng T phải chịu 2.199.137 đồng (*hai triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, một trăm ba mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí 898.000 đồng (*tám trăm chín mươi tám ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001560 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Nữ Kiều Mỹ